DONG NAI GENERAL HOSPITAL

ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG LƯU KIM LUỒN TĨNH MẠCH NGOẠI BIÊN TẠI KHOA NỘI THẦN KINH BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI NĂM 2018

Trần Thị Hường
Hoàng Thị Thu Thảo
Trần Ngọc Bích

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Truyền dịch, truyền máu, truyền thuốc… là một trong những chỉ định quan trọng.

- Ngoài những lợi ích trong thực hành chuyên môn, khi sử dụng KLTMNB cũng thấy xuất hiện một số biến chứng: nhiễm khuẩn tại chỗ, viêm tĩnh mạch hay tắc kim.

ĐẶT VẤN ĐỀ

TẠI BỆNH VIỆN

- Chưa có NC nào đánh giá tình hình sử dụng KLTMNB;
- Tổng kết, đánh giá những lợi ích, những tai biến của việc đặt KLTMNB.

NC nhằm xác định tỉ lệ nhiễm khuẩn, tắc kim, nhiễm khuẩn tại chỗ, viêm tĩnh mạch và một số yếu tố liên quan do đặt kim luồn tĩnh mạch ngoại biên của Điều dưỡng khoa Nội TK, BVĐK Đồng Nai năm 2018.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

Đối tượng nghiên cứu: Tất cả người bệnh nội trú có chỉ định đặt KLTMNB và có thời gian đặt kim luồn ***≥ 48 giờ.***

Cỡ mẫu: 300

Tiêu chí loại ra: bệnh nhân đái tháo đường, suy giảm miễn dịch, có nhiễm khuẩn trước nhập viện và trường hợp đặt kim luồn trong tình trạng khẩn cấp.

Xử lý số liệu: phần mềm SPSS 16.0

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Biểu đồ 1. Tỉ lệ bệnh nhân đặt KLTMNB

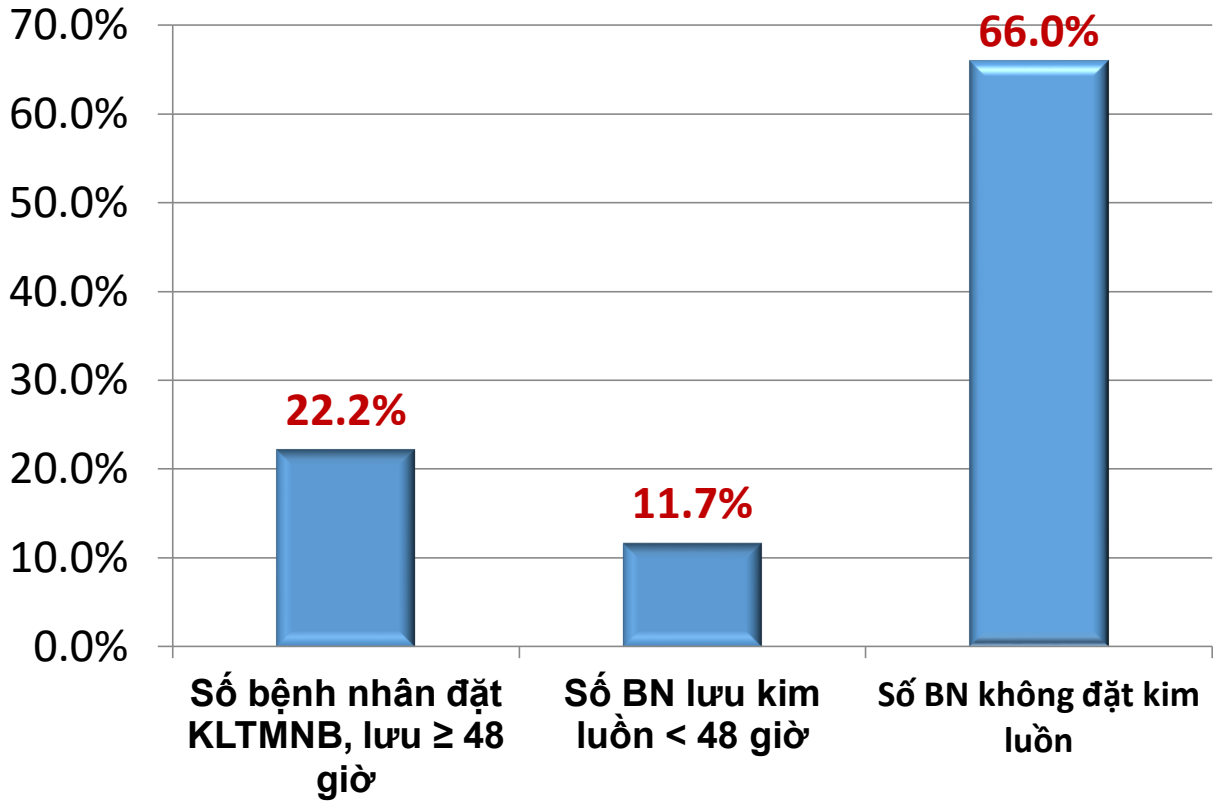

Số bệnh nhân đặt KLTMNB và lưu ≥ 48 giờ đạt tỉ lệ 22,2%.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Biểu đồ 2. Phân bố tỉ lệ lưu KLTMNB theo giới (n=300)

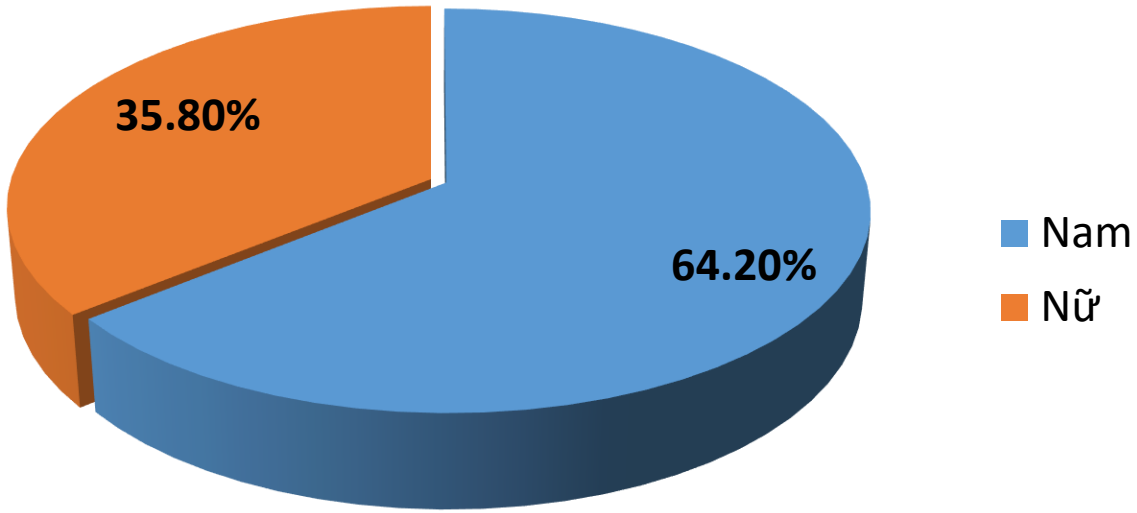

Bệnh nhân là nam giới chiếm tỉ lệ cao 64,2%.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Biểu đồ 3. Phân bố tỉ lệ lưu KLTMNB theo nhóm tuổi (n = 300)

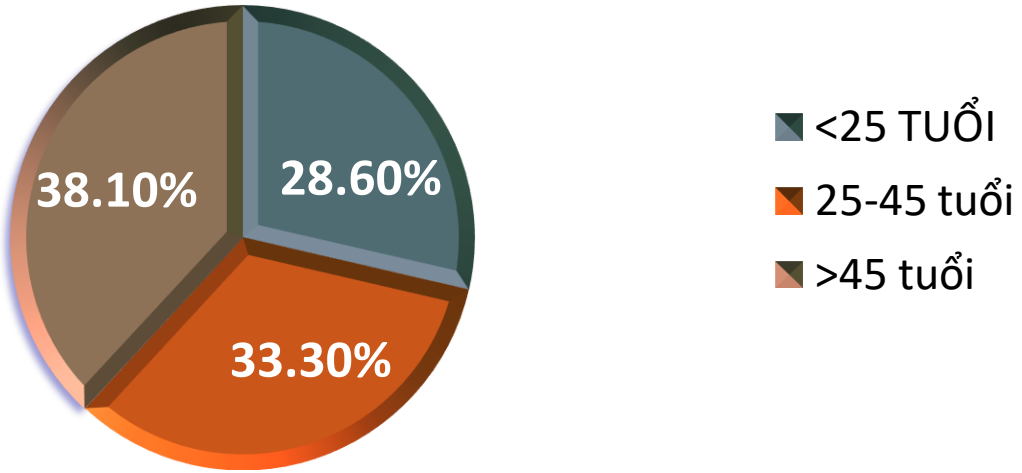

Tỉ lệ đặt KLTMNB và lưu kim ≥ 48 giờ tập trung chủ yếu ở nhóm bệnh nhân >45 tuổi (38,1%). Điều này cũng phù hợp, vì số bệnh nhân điều trị tại khoa Nội Thần kinh chủ yếu là người lớn tuổi.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Thời gian lưu trung bình theo vị trí tiêm (n = 300)

Vị trí tiêm	Tần số (n)	Thời gian lưu trung bình
Mu bàn tay	135	98,3± 5,6 giờ
Cánh , cẳng tay	103	113,1 ± 8,1giờ
Cẳng chân	35	83±7,5giờ
Vị trí khác	27	48 ±10,8giờ

Vị trí đặt kim ở cẳng tay, cánh tay có thời gian lưu lâu nhất 113,1 ± 8,1giờ. Kết quả nghiên cứu của Webster, thời gian lưu kim lâu nhất ở vị trí cánh tay là 93 ± 12,7 giờ.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 2. Tỷ lệ viêm mô tế bào ở bệnh nhân đặt KLTMNB

Vị trí lưu kim	Số trường hợp	Tỉ lệ (%)
Mu bàn tay	2	0,6
Cánh, cẳng tay	0	0
Cẳng chân	1	0,3
Vị trí khác	0	0

Kết quả cấy máu (+) cho thấy số bệnh nhân bị viêm mô tế bào do đặt KLTMNB ở mu bàn tay chiếm tỉ lệ cao nhất 0,6%.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3. Số lần đặt KLTMNB trong một đợt điều trị (n=300)

Số lần đặt KLTMNB	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1 lần	62	20,66%
2 lần	186	62%
3 lần	52	17,34%

Trong số những bệnh nhân nằm viện được lưu kim, nhóm bệnh nhân được đặt kim 2 lần trong một đợt điều trị chiếm tỷ lệ cao nhất (62%). Kết quả này cũng phù hợp vì bệnh nhân vào điều trị ngày điều trị trung bình khoảng 8 – 15 ngày.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 4. Các biến chứng do đặt kim luồn (n = 300)

Biến chứng	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tắc KLTMNB	45	15,0
Nhiễm khuẩn tại chỗ	09	3,0
Viêm mô tế bào	02	0,7
Viêm tĩnh mạch		
• Độ 1	06	2,0
• Độ 2	03	1,0
• Độ 3	02	0,7
• Độ 4	00	0,0

Biến chứng tắc kim chiếm tỉ lệ cao nhất 15%, tiếp theo là viêm tĩnh mạch 3,7%.Trong 11 bệnh nhân có biến chứng viêm tĩnh mạch, chủ yếu gặp viêm TM độ 1 (6/11 trường hợp chiếm 54,5%) và độ 2 (3/11 trường hợp chiếm 27,2%).

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 5: Phân bố bệnh nhân được đặt kim luồn đúng quy trình (n = 300)

Các bước quy trình		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)
B1	Xác định đúng người bệnh, nhận định, giới thiệu	273 (91,0)	**27 (17,2)**
B2	Chuẩn bị dụng cụ	300 (100,0)	**0 (0,0)**
B3	Chuẩn bị người bệnh	289 (96,3)	**11 (3,7)**
B4	Thực hiện kỹ thuật	268 (89,3)	**32 (10,7)**
B5	Ghi hồ sơ	293(97,6)	**07 (2,4)**
Tỉ lệ bệnh nhân được đặt KLTMNB đúng quy trình		***268 (89,6)***	**32 (10,7)**

Tỉ lệ thực hành đúng đạt 89.6%. Các bước sai chủ yếu rơi vào 1 số điều dưỡng mới, khoa NTK cần lưu ý phân công ĐD cũ giám sát và hướng dẫn ĐD mới, tránh để sai sót ảnh hướng đến sức khỏe và hài lòng NB.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 6: Quy trình chăm sóc NB đặt kim luồn

Các bước quy trình chăm sóc KLTMNB		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)
B1	Nhận định vị trí đặt kim luồn hàng ngày	254 (84,6)	**46 (15,4)**
B2	Vệ sinh tay thường quy	237 (79,0)	**63 (21,0)**
B3	Sử dụng dung dịch sát khuẩn phù hợp	300 (100,0)	**0 (0,0)**
B4	Sát khuẩn vị trí đặt kim luồn đúng kỹ thuật	290 (96,7)	**09 (3,3)**
B5	Thay miếng dán cố định kim luồn mỗi 48 giờ hoặc khi dơ	184 (61,3)	**114 (38,7)**
B6	Thay đổi vị trí tiêm khi thay kim luồn	300 (100,0)	**0 (0,0)**
Tỉ lệ bệnh nhân được chăm sóc KLTMNB đúng quy trình		**233 (77,7%)**	**67 (22,3%)**

- Số lượng bệnh nhân được điều dưỡng thường xuyên chăm sóc vị trí đặt kim luồn đúng qui trình đạt tỉ lệ 77,7%

Bảng 7. Mối liên quan giữa tỉ lệ biến chứng với thực hành quy trình đặt KLTMNB và chăm sóc vị trí đặt KLTMNB

	Quy trình thực hiện đặt KLTMNB		P	Quy trình chăm sóc KLTMNB		P
	Đúng	Không đúng		Đúng	Không đúng	
Không biến chứng	200 (85,5)	34 (14,5)	0,037	187 (79,9)	47 (20,1)	0,003
Biến chứng	23 (34.8)	43 (65,21)		21 (31,8)	45 (68,2)	

- Khi ĐD thực hiện đặt KLTMNB đúng kỹ thuật thì tỷ lệ người bệnh bị biến chứng ít hơn so với thực hiện không đúng. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p= 0,037.
- Khi ĐD chăm sóc vị trí đặt kim luồn hàng ngày và đúng quy trình thì tỷ lệ biến chứng it hơn so với thực hiện không đúng. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với p= 0,003.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trên ***300 người bệnh*** có đặt KLTMNB tại khoa Nội Thần Kinh, BVĐK Đồng Nai từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018:

- Thời gian lưu kim trung bình ở nhóm tuổi <40 tuổi dài nhất: ***111,5 ± 7,3 giờ.***
- Thời gian lưu kim trung bình của loại kim luồn an toàn lâu nhất: ***121 giờ.***
- Thời gian lưu kim trung bình ở vị trí đặt kim ở cánh, cẳng tay lâu nhất: ***113,1 ± 8,1giờ***

KẾT LUẬN

- Tỉ lệ các biến chứng do đặt KLTMNB: ***22,4%***

- Biến chứng viêm tắc tĩnh mạch chiếm tỉ lệ cao nhất: ***15%***

- Tỉ lệ ĐD thực hiện kỹ thuật và chăm sóc KLTMNB chưa đúng:

  + Thực hiện đúng quy trình đặt KLTMNB: ***89,6%***

  + Thực hiện đúng quy trình chăm sóc KLTM : ***77,7%***

Có mối liên quan giữa tỉ lệ biến chứng do đặt KLTMNB với kỹ thuật thực hiện đặt KLTMNB ***(p=0,037)*** và kỹ thuật chăm sóc vị trí đặt KLTMNB ***(p=0,003).***

KIẾN NGHỊ

- **Về phía bệnh viện**

Khuyến cáo sử dụng kim luồn an toàn nhằm đảm bảo an toàn cho NVYT, bệnh nhân và các đối tượng khác.

Bổ sung thêm nhân lực điều dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc người bệnh.

- **Về phía quản lý Điều dưỡng**

Phòng ĐD tăng cường giám sát ĐD thực hiện các quy trình kỹ thuật → biện pháp chấn chỉnh kịp thời

ĐDTK tăng cường đi buồng kết hợp đào tạo, tập huấn các quy trình, kỹ thuật thường quy, chú trọng đến các ĐD mới.

DONG NAI
GENERAL HOSPITAL

Xin chân thành cám ơn!